

## Phụ-trương bằng chữ Pháp.—Supplément en français

Discours de M. le Gouverneur général MERLIN prononcé  
à l'A. F. I. M. A. le dimanche 5 Avril 1925Bản diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Merlin ở tiệc trà  
hội Khai-trí ngày 5 tháng tư năm 1925

Monsieur le Président,

Messieurs,

C'est un des plus précieux réconforts que puisse éprouver un chef que de se sentir en communion d'idées et en harmonie de sentiments avec la population qu'il a l'honneur et la charge d'administrer. Aussi vous suis-je profondément reconnaissant non seulement des paroles par lesquelles vous venez d'apprécier mon administration, mais de la délicate attention que vous avez eue d'organiser, avant mon départ, cette réunion qui groupe autour de moi l'élite de la société annamite, son élite économique, politique et sociale, comme son élite intellectuelle.

Dans l'intimité de vos réunions, dans l'atmosphère de confiance mutuelle qui est la raison d'être de votre Association, il est d'usage d'échanger plutôt des opinions que des discours. Pardonnez moi d'y déroger une fois en considération de mon vif désir de vous exprimer toute ma gratitude pour l'appui que vous m'avez prêté dans l'accomplissement de ma lourde tâche. Je le ferai d'ailleurs, selon la règle de la maison, en toute simplicité, mais aussi en toute sincérité, la sincérité telle que la définissait un jour Sénèque dans une lettre à Lucilius, celle d'un homme qui ne dit rien tout haut qu'il ne puisse se répéter tout bas, et qui ne

Ngài Hội-trưởng,

Các Ngài,

Một nhà trị dân được thấy đồng-tâm hiệp-y với người dân mình có cái danh-dự và cái trách-nhiệm cai-trị, thời thật là một sự vui lòng hả dạ vô-cùng. Bởi thế nên tôi thăm-tạ các ngài, không những vì những lời qui-hóa ngài vừa nói thuộc về chính-sự của tôi, mà lại vì cái nhâ-y của các ngài bày ra cuộc tiễn mừng hôm nay mà họp được quanh tôi đây cả hàng thượng-lưu-xã-hội nước Nam, vừa về đường kinh-tế, đường chính-trị, đường xã-hội, đường trí-thức vậy.

Hội các ngài đây cốt là để họp-tập nhau mà lấy lòng thân-mật tin-ái trao đổi ý-kiến với nhau, hơn là đọc diễn-thuyết cho nhau nghe. Vậy tôi diễn-thuyết thế này là trái lệ của các ngài, xin cũng miễn-thứ cho, mà chiều cho cái lòng thành-thực của tôi, muốn cảm ơn các ngài đã từng có công giúp cho tôi trong công-việc nặng-nề. Vả tôi nói đây cũng là xin theo lệ trong Hội này, nói một cách giản-dị, nhưng mà nói một cách chân-thật, cái lòng chân-thật theo như lời văn-sĩ La-mã SENEQUE đã giải trong thư viết cho bạn là LUCILLIUS, là cái bụng một người không nói to lên một câu gì mà không thề nói nhỏ

se dit rien tout bas qu'il ne puisse répéter bien haut.

Sans médire des autres colonies où s'est écoulée la plus grande partie de ma vie et auxquelles m'attachent les souvenirs d'un labeur opiniâtre et que les faits ont révélé fécond, l'Indochine m'aura réservé une des impressions les plus réconfortantes de ma carrière. Ce n'est pas seulement parce que j'ai été sensible à la diversité et à la beauté des sites qui en font un des plus beaux pays de l'Extrême-Orient et qui attireront à elle un nombre de plus en plus grand de visiteurs et d'admirateurs. C'est aussi, et surtout, parce que la population qui l'habite a les qualités les plus précieuses : courage et ingéniosité au travail, résignation dans l'adversité, douceur du caractère et des mœurs, respect de la tradition et des chefs, goût des saines distractions de l'art et de l'esprit. Si le labeur de ses paysans est la principale source de la richesse actuelle du pays, l'ingéniosité de ses artisans permet d'affirmer que l'industrie ne contribuera pas moins, dans l'avenir, à sa prospérité que l'agriculture. Quant à son élite, son goût de l'étude et son intelligence autorisent tous les espoirs. A ceux de nos compatriotes qui en douteraient, je pourrais citer maints exemples. Si je ne le fais pas ici, c'est pour ne pas effaroucher la modestie de quelques-uns de ceux qui m'écoutent. Mais je m'en voudrais de ne pas dire mon étonnement, mon admiration et ma joie d'avoir trouvé parmi vous, à Saigon et à Hanoi, de jeunes hommes qui, quoique autodidactes, quoi qu'ayant eu à surmonter la difficulté de s'instruire dans une langue étrangère à leur langue maternelle, sont arrivés à posséder une culture générale, une maturité d'esprit, une sûreté de jugement et une maîtrise de style que

rien cho mình được, và không nói nhỏ riêng với mình một câu gì mà không có thể nói to cho kẻ khác nghe được.

Không dám nói xấu các thuộc địa khác tôi đã từng ở qua một phần đời người, và đã từng gia-công làm được nhiều việc nghiêm ra cũng không phải là vô-ích, nay vẫn còn kỷ niệm tôi, tôi chắc thuộc-địa Đông-Pháp này là nơi sẽ để lại cho tôi một cái cả n-tưởng khoan-khoái nhất trong đời tôi. Không phải là tôi chỉ cảm những phong-cảnh đẹp làm cho xứ này thành một đất qui nhất ở cõi Đông-Á, khiến cho khách thế-giới càng ngày lại càng đến xem đông. Mà tôi lại cảm thứ nhất vì cái tinh-chất tốt của người dân : làm-lụng chăm-chỉ và khéo-léo, gặp khi hoạn nạn bất-kỳ biết chịu khó nhẫn-nhục, tinh-nết êm-ái, phong-tục dịu-dàng, biết tôn-trọng lễ-lối, kính-phục người trên, biết ham những cái thú cao-thượng về mĩ-thuật văn-chương. Tuy dân quê chịu khó, nước lấy nông-vụ làm gốc, nhưng thợ-thuyền cũng khéo-léo, có thể đoán sau này các kỹ-nghệ cũng sẽ giúp cho nước được thịnh-vượng, chẳng kém gì nông-nghiệp. Còn hàng thương-lưu thời chăm học và thông-minh, có thể hi-vọng sự gì mà không được. Trong kẻ đồng-bang người Pháp ta, hoặc có ai ngờ sự đó, tôi có thể kể tên mấy người làm minh-chứng được. Tôi không kể ra đây là để khỏi kích-thích cái lòng khiêm-tốn của mấy ông đứng nghe tôi đây. Nhưng tôi không thể không nói đề các ngài biết rằng tôi đã từng lấy làm lạ-lùng, làm cảm-phục, làm vui-vẻ, được gặp trong bọn các ngài ở Sài-gòn và ở Hà-nội, những người thanh-niên tuần-dĩnh, tuy tự-lực học lấy, tuy phải lắm nỗi khó-khẩn vì học bằng một thứ tiếng khác tiếng bản-quốc của mình, thế mà cũng tới được một cái học phò-thông hoàn-toàn, có tư-cách đứng-mực, biết phán-đoán chắc-chắn, mà lại có cái tài văn-chương lối-lạc, trông những tay

pourraient leur envier beaucoup des plus cultivés parmi les Français.

Avec de pareils éléments, la France devait faire en Indochine de grandes choses. Elle les a faites. Je n'en donnerai pas ici l'énumération, car vous les connaissez aussi bien que moi, et vous mettez votre point d'honneur à placer au premier rang des vertus que vous pratiquez vous-mêmes et que vous encouragez chez les autres, celle de la reconnaissance. Je ne dirais pas davantage la tâche immense qui reste à accomplir. Je l'ai fait dans mon discours au dernier Conseil de Gouvernement et je le rappelais, hier encore, devant mes collaborateurs de la Commission permanente. Ce que je voudrais essayer de définir devant vous, puisqu'aussi bien votre Association vise à la formation intellectuelle et morale des Annamites, ce sont les conditions morales dans lesquelles il est indispensable à son succès de poursuivre cette œuvre.

Dans l'allocution à laquelle je viens de faire allusion et que j'ai prononcée devant la Commission permanente, je disais que l'Indochine n'a pas échappé au malaise qui est né, à toutes les époques de l'histoire et sur tous les points du globe, de la mise en contact de deux civilisations et à fortiori de la subordination de l'une à l'autre. Le passage en de nouvelles mains du pouvoir suprême, les changements introduits dans les méthodes politique, administrative et judiciaire, les modifications apportées dans les conditions d'existence par la création des voies de communication rapides, l'exploitation de richesses nouvelles, l'entrée en scène de jeunes générations élevées selon d'autres disciplines que celles qui les ont précédées, et toutes ces causes et bien d'autres amènent un nouveau classement des valeurs sociales, l'effritement des traditions millénaires, une floraison d'habitudes et de sentiments nouveaux.

học-thức trong bọn người Pháp cũng vì-tất đã làm người bằng.

Có những nhân-tài như thế, nước Pháp tất phải làm nên sự-nghiệp lớn ở đất Đông-Pháp này. Sự-nghiệp ấy, nước Pháp đã làm nên. Tôi không kể ra đây làm gì, vì các ngài cũng biết bằng tôi, và các ngài thường lấy làm một điều danh dự cho sự biết ơn là một đức tốt tự mình vẫn làm và muốn khuyên cho kẻ khác làm nữa. Tôi cũng không kể về những công việc lớn-lao còn phải làm sau này. Tôi đã nói trong bài diễn-thuyết của tôi đọc kỳ hội-đồng chính-phủ sau cùng, và mới mấy bữa đây tôi lại vừa mới nhắc lại với các ngài giúp việc tôi ở ban thường-trực. Hội các ngài đây là một hội chủ việc khai-trí tiến-đức cho người Việt Nam, vậy tôi muốn nói đây là thử phân-giải những cách thức thuộc về tinh-thần cần cho làm nên công-việc đó.

Trong bài diễn-văn tôi đọc ở ban thường-trực vừa nói trên đó, tôi có nói rằng bất-luận thuộc về thời-kỳ nào trong lịch-sử, địa-phương nào trên mặt đất, hễ hai cái văn-minh tiếp-xúc nhau, tất sinh ra cái tình-cảnh bối-rối, hướng lại một cái phải phục-tòng cái khác, và Đông-Pháp đây cũng không tránh khỏi cái cảnh bối-rối ấy. Quyền chúa-tể ở tay họ chuyển sang tay kia, phép chính-trị, phép hành-chính, phép tư-pháp thay đổi, cách sinh-hoạt biến-đổi vì đường giao-thông tiện-lợi hơn, khai-khẩn được những tài-sản mới, những lớp người trai-trẻ dạy-đỗ theo những kỹ-cương mới khác với các lớp trước mới bắt đầu xuất hiện ra cuộc đời, bấy nhiêu nguyên-nhân cùng với nhiều cái khác nữa khiến cho các nhân-phẩm trong xã-hội di-dịch đi, những lễ-tục mấy nghìn năm tiêu-mòn đi, nảy-nở ra những thói ăn cách ở, tình-y tư-tưởng mới.

Comment obtenir que ces transformations non seulement ne soient pas fatales à la santé morale et sociale du peuple protégé, mais qu'elles lui donnent la vigueur qui le tirera de son long sommeil et lui permettra de participer avec honneur au rythme de la vie moderne et de la vie universelle ?

Il faut d'abord que les gouvernés aient confiance dans les gouvernants, non pas une confiance aveugle, mais la confiance qui s'alimente au spectacle des progrès déjà accomplis, au spectacle des efforts pour en réaliser de nouveaux. Il faut aussi et surtout qu'ils aient de la patience. On ne fait rien sans le temps, ou ce qu'on prétend faire sans lui, il le reprend un jour. Des joues académiques ont récemment rappelé l'attention sur les conditions dans lesquelles la Gaule, conquise par Jules César, s'était transformée sous l'impulsion de la civilisation romaine. Que ceux qui ont le goût des études historiques lisent les beaux volumes que leur a consacrés M. Camille Jullian. Ils y verront combien la grande civilisation française qui devait naître de cette fusion de deux peuples a été lente à se dégager, à affirmer son originalité propre, à briller de son vif éclat. Surtout ne donnez pas asile dans votre esprit à la pensée mauvaise, contre laquelle s'inscrit tout notre passé de générosité, que l'appel à la patience procède de la volonté de remettre à une date indéterminée et lointaine l'heure où se réaliseront toutes vos légitimes ambitions. Si nous n'enlevons pas une pierre à l'édifice de votre civilisation sans avoir l'assurance de pouvoir la remplacer par une autre, si nous ne touchons pas à ses clefs de voûte sans avoir placé les étais nécessaires, c'est que nous ne voulons pas que l'édifice écrase la tête de ceux qu'il doit abriter. Nous n'avons d'autres préoccupations nées du sentiment de la grandeur de notre mission et de la compréhension sympathique de vos intérêts, que de vous éviter les écueils auxquels

Những sự biến-cách ấy phải làm thế nào cho không những không hại đến sức khỏe về tinh-thần, về xã-hội, của dân bảo-hộ, mà lại khiến cho có đủ nghị-lực để cho tỉnh được cái giấc mộng đã lâu đời và có thể tham-dự được một cách xứng-đáng vào cuộc sinh-hoạt chung của thế-giới đời nay.

Điều thứ nhất là dân trị-hạ phải tin người cầm quyền cai-trị, không phải nhắm mắt mà tin liều, nhưng trông thấy cái cảnh-tượng tiến-hóa đã thành và xét đến cái cảnh-tượng tiến-hóa về sau, lấy làm vững dạ mà tin. Lại cốt là phải kiên-nhân nữa mới được. Không làm cái gì là không cần đến thời-giờ, mà làm cái gì không cậy ở thời-giờ, thời cái thời-giờ có ngày nó lại lấy đi. Nhân các nhà bác-học thảo-luận mà gần đây thiên-hạ đã chú-ý đến vấn-đề nước *Gaule* bị tướng La-mã JULES CÉSAR chinh-phục thế nào mà dân dần biến-đổi theo văn-hóa La-mã. Ai thích sử-học nên đọc mấy bộ sách có giá-trị của ông bác-sĩ CAMILLE JULLIAN đã làm về vấn-đề đó. Xem sách ấy thì biết rằng cái văn-minh tốt-đẹp của nước Pháp là ở sự dung-hóa hai dân-tộc ấy mà ra, phải qua lâu đời biết bao nhiêu mới thoát-li ra được, mới phát-siễn được cái đặc-tính, trở nên sáng-sủa rõ-ràng. Thứ nhất là các ngài chớ nên có cái bụng ngờ-vực cho rằng chúng tôi khuyên nên kiên-nhân là có cái ý muốn để chậm lại mãi-mãi không cho các ngài được có ngày đạt tới cái hi-vọng chính-đáng của mình, ngờ-vực như thế thật là trái hẳn với cái lịch-sử nghĩa-hiệp của nước chúng tôi. Chúng tôi đối với cái lâu-đài văn-hóa của các ngài, không muốn nhắc ra một hòn đá mà không chắc có hòn khác đặt thay vào, không muốn đụng đến nơi cột cái mà không đặt gióng sẵn, là chúng tôi không muốn cho cái nhà nó đổ ụp xuống mà vỡ đầu người ở dưới. Chúng tôi biết cái thiên-chức của chúng tôi là lớn-lao,

nous nous sommes nous-mêmes heurtés, les épreuves par lesquelles nous sommes passés, les erreurs que nous avons commises, les dissensions qui nous ont meurtris, les souffrances et parfois le sang qui ont été la rançon de nos progrès.

Plus la population annamite, plus tous nos autres protégés d'Indochine observeront, ou plus justement continueront d'observer loyalement cette attitude, de cultiver ces sentiments, plus il nous sera facile de travailler, en toute sérénité d'esprit, à réaliser les grandes destinées que nous voulons pour votre pays. Pendant que s'y poursuivra l'achèvement de l'admirable outillage déjà créé, pendant que nous le doterons de voies de communication, de ports, de canaux d'irrigation ou de drainage, nous ne voyons, par ailleurs que des avantages à agrandir progressivement la place que nous vous avons déjà faite dans la gestion des affaires communales et provinciales, dans la participation à notre administration supérieure par l'admission de vos représentants dans nos grands conseils. Nous y voyons l'occasion de donner à l'élite du pays la place légitime à laquelle elle peut prétendre dans la société, le moyen de lui conserver un prestige qui lui permettra d'assurer la perpétuation des croyances, des traditions et des mœurs qui font la force et l'originalité du peuple d'Annam, le meilleur des procédés pour entretenir dans toutes les classes du pays le goût des affaires publiques et le sens des intérêts généraux.

Nous ne sommes pas moins désireux de fournir aux jeunes générations les moyens d'accéder aux connaissances les plus hautes du savoir occidental, et au fur et à mesure qu'elles y parviennent, de leur donner une part de collaboration en rapport avec leur mérite intellectuel et moral. C'est la raison

hiếu cái quyền-lợi của các ngài là chính-dáng, nên chúng tôi chỉ một lòng vì các ngài tránh cho khỏi mắc phải những sự hiềm-trở chúng tôi đã từng qua, những nỗi gian-nan chúng tôi đã từng trải, những sự sai-làm chúng tôi đã mắc phải, những sự phân-tranh nó đã làm cho chúng tôi tê-tái, những sự khổ-nhục, sự lưu-huyết nó làm như cái đại-giá cho mỗi bước tiến-bộ của chúng tôi.

Dân Việt-Nam cùng các dân bảo-hộ khác trong cõi Đông-Pháp này, càng giữ được cái thái-dộ trung-thành, nuôi được cái tấm lòng tin cậy đó, thời chúng tôi lại càng được dễ-dàng thực-thai mà gia-công làm cho đạt được cái vận-mệnh lớn-lao mà chúng tôi thường mong - mỏi cho nước các ngài. Nhất-diện thời chúng tôi chính-đốn cho các cơ quan dụng-cụ được hoàn-toàn, cho trong nước có đủ đường giao-thông, có hải-cảng, có sông đào để tưới ruộng, để thoát nước; nhất-diện thời chúng tôi rất vui lòng mở rộng cho các ngài được tham-dự vào việc cai-trị trong làng, trong tỉnh, được cử đại-biêu ở các hội-nghị lớn để tham-dự vào việc chính-trị cả toàn-quốc. Đó cũng là một dịp cho chúng tôi được đãi cho bậc thượng-lưu trong nước một cái địa - vị tương-đương trong xã-hội, để cho có đủ thế-lực nổi-dõng lấy những sự tin-tưởng, những điều lễ - tục cùng những lối phong-tục làm cho dân Việt-Nam có văn - vẻ và có sức mạnh, lại là một cách nuôi lấy cái lòng công-tâm công-nghĩa ở trong các giai-cấp trong dân-gian.

Chúng tôi cũng lại vui lòng muốn cung-cấp cho các lớp trai-trẻ được đủ phương-tiện mà tới cho đến bậc cao-thâm trong nền học-vấn của Tây-phương, rồi càng tới được đến đâu thời càng cho được rộng quyền tham-dự vào việc nước tùy với tài-năng tri-

d'être de l'Université d'Hanoi. Je ne sais où et par qui m'a été prêtée l'intention de nourrir contre cette institution les plus noirs desseins. Vous savez à présent ce qu'il en est, en réalité. Il y a à l'Université depuis mon arrivée non pas une école supérieure de moins, mais une école supérieure et un musée de plus. J'ai dit, il est vrai, que le développement de l'instruction dans le plan vertical ne devait pas nous faire oublier son développement dans le plan horizontal. Un chiffre suffit à justifier cette opinion. Nous n'instruisons encore qu'à peine 200.000 enfants des deux sexes sur les deux millions qui sont en âge de scolarité. C'est une proportion infime. J'estime que nous n'aurons lieu de nous déclarer satisfaits de notre politique scolaire que lorsque nous aurons fait tout le nécessaire pour que soit grandement relevée cette proportion. Quant à l'Université, il ne suffit pas d'y ouvrir des écoles et même d'y placer des élèves. Il faut que ces écoles aient les maîtres voulus. il faut que les étudiants y entrent avec la culture nécessaire pour profiter de l'enseignement qui leur est donné. Hors de là, il n'y a qu'apparences trompeuses et résultats décevants. Voilà pourquoi, avant toutes choses, je me suis préoccupé d'améliorer la qualité des maîtres et celle des étudiants. Par quelles mesures aurais-je pu manifester d'une manière plus efficace et plus féconde ma sollicitude ?

La préparation d'une élite à l'Université serait plus nuisible que profitable au pays, si cette élite ne trouvait, à sa sortie des grandes écoles, l'utilisation de son savoir. L'administration, le commerce et l'industrie y ont pourvu jusqu'ici. Mais si j'en crois les rumeurs qui me viennent de la place publique, nos jeunes étudiants seraient désireux d'être récompensés de leur travail et de leur initiation à la science occidentale par l'octroi de la naturalisation française qu'ils nous reprocheraient de n'accorder encore qu'au compte-gouttes. Il est certain

thức của mình. Bởi thế nên mới lập ra trường Đại-học Hà-nội. Tôi không biết ở đâu và người nào vu cho tôi có cái ác-tâm đối với trường Đại-học. Các ngài cũng biết kỹ-thực là thế nào. Từ khi tôi đến đây, trường Đại-học không giảm mất đi một ban nào, mà lại thêm ra một ban cao-dẳng với một viện bảo-tàng nữa. Tôi có nói rằng sự học nên mở-mang về đường *giọc*, nhưng cũng không nên quên về đường *ngang*. Tôi chứng ngay một con số thì đủ biết lời nói ấy không phải là vô-lý. Con trẻ nam-nữ đến tuổi đi học có hai triệu đứa, mà hiện nay mới dạy được không tới 20 vạn. So-sánh thế thì thật ít quá. Bao giờ làm thế nào cho cái số ấy tăng lên nhiều nữa, thời ta mới có thể bằng lòng về cái chính-sách giáo-dục của ta được. Còn trường Đại-học thì có nhà trường, có học-trò cũng chưa đủ. Phải có thầy giáo cho đủ số, lại phải học-trò vào đầy có cái trình-độ học đủ theo được thì mới được. Không thể thời chỉ là chuyện hư-không hão-huyền hết. Bởi thế nên trước hết tôi chú-ý tăng tiến cái giá-trị của giáo-viên và học-sinh đã. Tôi còn có thể tỏ cái lòng ân-cần về việc học cách nào là công-hiệu và dich-dáng hơn nữa ?

Gày lấy một bọn thượng-lưu ở trường đại-học vẫn là hay lắm, nhưng nếu bọn ấy ở trường ra không có cách mà dùng được tài-học của mình, thì có hại mà không có lợi. Từ trước đến nay thì bọn đó ra làm việc cho nhà nước, cho các sở công-thương. Nhưng cứ như tôi phong-văn ở đàn dư-luận thời các thầy học-sinh ta có ý muốn xin chính-phủ cho được nhập tây-tịch, coi như một cái thưởng cho cái công theo đòi tây-học của mình, và lại có ý trách Chính-phủ rằng hướng-lai cho ít quá.

que le nombre des naturalisations accordées a été très faible jusqu'ici. Mais il ne faut pas oublier que l'obtention de diplômes supérieurs par nos étudiants remonte à peine à ces dernières années. Il convient de remarquer aussi que les demandes qui se sont produites n'ont pas toujours émané de ceux qui étaient les plus dignes d'obtenir cette faveur. Je n'ai qu'à jeter un regard autour de moi pour donner l'assurance que si beaucoup de jeunes hommes, ici présents ou venus d'autres parties de l'Union, nous l'avaient demandé, la France se serait tenue pour honorée de les admettre parmi ses enfants d'adoption. Quoi qu'il en soit, le problème est posé. Il n'est pas facile à résoudre. La naturalisation est un acte grave, parce qu'elle comporte, dans l'état actuel de notre législation, la renonciation au statut personnel, aussi bien pour le chef de famille que pour sa femme et ses enfants. Il comporte des inconvénients et des risques qu'il faut examiner attentivement. Mais quels que soient ces inconvénients et ces risques, on ne serait pas digne de gouverner si on n'avait pas le courage de les affronter. Je ne vois donc pour ma part aucune impossibilité à faire de la naturalisation, la récompense de certains diplômés ou de services distingués rendus à la cause française, en faveur de ceux qui par leur éducation, leurs habitudes et leurs actes ont témoigné de leur effort et de leur désir de se rapprocher de nous.

Il ne faut pas d'ailleurs que ceux qui visent à cette naturalisation se fassent illusion sur les conséquences qui en résulteront pour la transformation du pays. Ce n'est pas l'augmentation du nombre des Conseillers municipaux ou coloniaux d'origine annamite, ce n'est même pas la représentation des Annamites dans les Assemblées, si hautes soient-elles, par un ou plusieurs de leurs frères de race, qui exercera sur l'avenir de leur pays une influence décisive. Le destin du peuple d'Annam n'est pas tout

Kể số người cho nhập-tây-tịch xưa nay thì ít thật. Nhưng phải biết rằng các học-sinh ta được bằng cao-đẳng mới có từ mấy năm gần đây mà thôi. Vả lại những người xin nhập-tây-tịch từ trước đến nay không phải ai ai cũng là người có tư-cách xứng-dáng cả. Tôi thử nhìn chung quanh lời đây thời có thể chắc rằng nếu nhiều người trong bậc thanh-niên đứng đây hay ở xứ khác tại đây mà muốn xin nhập-tây-tịch thời Đại-Pháp ắt sẵn lòng hoan-ngheh nhận làm con nuôi ngay. Dù thế nào mặc lòng, cái vấn-đề đã đặt ra đó. Không phải dễ giải-quyết ngay được. Sự nhập-tây-tịch là một sự hệ-trọng, cứ như pháp-luật ngày nay thì phải bỏ quốc-tịch mình, dù người gia-trưởng, dù vợ hay con cũng vậy. Lại có sự nguy-hiềm phải xét cho kỹ. Nhưng dù sự nguy-hiềm thế nào mặc lòng, nếu không có cái can-đảm đối-phó cho được, thời không đáng làm người cầm quyền cai-trị. Vậy về phần riêng tôi, tôi tưởng lấy sự nhập-tây-tịch như một cái thưởng cho những người có bằng-cấp hay có công-nghiệp với Đại-Pháp, những người trong cách học-hành ăn ở đã tỏ ra ý muốn gần-gũi thân-mật với chúng tôi, thời cũng là một việc không lấy gì làm khó-khăn cho lắm.

Nay những người ấy cũng chớ nên mơ-tưởng rằng sự nhập-tây-tịch rồi có ảnh-hưởng to đến cuộc tiến-hóa trong nước đâu. Không phải thêm ra được mấy ông hội-viên nghị-viên người An-Nam, hay là được mấy vị đại-biêu An-Nam ở các hội-nghị rất cao, mà đã có ảnh-hưởng đến tiền-đồ trong nước được. Vận-mệnh dân An-Nam không phải ở cái hảo-tâm của Chính-phủ ban cho ít nhiều người được quyền chính-trị đâu. Vận-mệnh nước là ở cái trí thông-minh, tri

entier dans la main plus ou moins largement ouverte du Gouvernement protecteur pour la distribution des privilèges politiques. Il est dans l'intelligence, l'esprit d'initiative, la hauteur morale, la solidité de caractère, la fermeté de conduite et enfin dans la volonté de puissance économique de ses enfants les mieux doués. C'est d'eux qu'il dépend que les forces latentes qui sont en eux se développent, grandissent, écartent tous les obstacles, et fassent la conquête de tous les sommets. Ils ont tout ce qu'il faut pour y réussir. Il ne s'agit pour eux que de le vouloir avec persévérance.

Mais il faut aussi que, dans son effort d'ascension, la jeune élite ne se sépare pas de l'élite ancienne, celle qui a fait la force de la société et de la civilisation annamite. A la fois héritiers des traditions morales et gardiens des biens matériels de la communauté, puisant leur autorité aux entrailles même de la race, au patrimoine sacré légué par les générations successives, les hommes qui constituent cette élite ont créé, conservé et perfectionné l'armature de la Société indigène. Aujourd'hui comme hier, demain comme aujourd'hui, leur autorité morale et leur expérience des affaires publiques font de leur collaboration un facteur essentiel de la solidité de l'œuvre à accomplir en commun.

Messieurs, je ne veux pas abuser plus longtemps de l'attention que vous me prêtez. Au surplus je ne dois pas oublier que les sentiments auxquels je fais appel, les idées que je préconise ne trouvent dans cette maison que des adeptes convaincus. Confians dans le libéralisme de la nation protectrice, attendant d'elle sans impatience le développement de ses institutions et de sa prospérité, vous poursuivez sans bruit, mais non sans succès, le noble but de concilier le respect du passé avec les exigences du présent, de ne rien laisser perdre des vertus et des charmes de votre patrimoine national.

phát-khởi, lòng cao-thượng, tinh kiên-nhẫn, cách cư-xử chắc-chắn và cái chí kinh-tế cương-cường của những tay tài giỏi trong dân-gian. Những người ấy phải tự mình phát-siễn hết những cái tiềm-lực trong mình, khiến cho nô-nang mạnh-mẽ ra, thời tất thắng được mọi sự ngăn-trở, và những địa-vị cao-trọng đến đâu mà không mong tới được. Những người ấy đã có đủ tư-cách làm được. Chỉ nên có chí và hèn-gan là được mà thôi.

Nhưng mà trong cái chí tiến-thủ đó, kẻ tân-tiến không nên phân lia với người tiền-tiến, là những người đã có công đề-tạo ra cái xã-hội văn-hóa nước Việt-Nam này. Những người ấy vừa kế-thừa cái luân-lý cũ, lại vừa bảo-tồn những tài-sản chung của đoàn-thể, tựa vào cái tinh-thần của nòi giống, cái quốc-túy của ông cha để lại mà có một cái thế-lực vô-hình, thật đã có công gây-dừng gìn-giữ, sửa-sang chỉnh-dốn, cho cái cơ-quan của xã-hội Việt-Nam. Ngày nay cũng như ngày xưa, ngày mai cũng như ngày nay, cái thế-lực vô-hình, sự từng-trải việc công của các bậc đó khiến cho phải cần đề-huê hiệp-lực với người ta, thời mới làm nên sự-nghiệp chung được.

Thưa các ngài, tôi không muốn phiền các ngài phải đứng nghe lâu nữa. Vả tôi cũng biết rằng những cái tự-trởng cảm-tinh tôi đề-khởi ra đây, các ngài trong Hội này đã sẵn lòng thừa-nhận cả rồi. Các ngài có lòng tin ở cái chính-sách rộng-rãi của nhà nước Bảo-hộ, không có nóng-nảy mà cứ bình-tâm đợi nhà nước mở-mang các chế-độ, tăng-tiến sự thịnh-vượng trong nước, các ngài một mực theo đuổi cái mục-dịch cao-thượng muốn điều-hòa cái cảnh quá-khứ với cái cảnh hiện-tại, không để cho mất những cái đức-tinh,

tout en l'enrichissant de tous les apports de la science et de la civilisation occidentale. Ici les fils ne se séparent pas des pères, les jeunes ne tournent pas le dos aux vieux, les étudiants ne professent pas de mépris pour les mandarins; mais vous travaillez tous d'un effort conjugué à la grandeur de votre pays.

Aussi suis-je particulièrement heureux, au moment où je me rends en France pour y soutenir devant le Gouvernement les idées que je viens de vous exposer, de vous renouveler l'expression de toute ma sympathie et de saluer dans votre association l'un des meilleurs instruments de la fusion de plus en plus complète et harmonieuse des fils de France et des fils d'Annam, de la civilisation annamite et de la civilisation française.

những cái phong-thú của tổ truyền của nước ngài, mà lại thấu thái thêm những về văn-minh học-thuật của Thái-Tây; các ngài cứ lảng - lảng mà làm mà không phải không thành-hiệu. Các ngài ở đây là kẻ con em không đời bậc huynh-tướng, kẻ tân - tiến không có quay lưng lại người tiên-tiến, người học trò không có khinh kẻ làm quan, nhưng mà hết thầy đều đồng - tâm hiệp - lực làm cho nước được về-vang.

Bởi thế nên khi tôi sắp về Đại-Pháp để trình bày với Chính-phủ Mâu-quốc những cái tư tưởng tôi vừa nói đó, tôi lấy làm hân-hạnh vô-cùng được tổ cái cảm-tình của tôi đối với các ngài và mừng cho Hội các ngài là cái cơ-quan rất tốt để liên-lạc người Pháp người Nam, dung-hòa hai cái văn-minh Pháp Việt vậy.

## L'Ironie d'Anatole France

L'ironie est chose bien complexe. Tout d'abord on serait tenté de penser que l'ironie est une invention moderne. Mais l'on songe que Platon ne l'ignora pas, ni Lucien. Il semble pourtant qu'elle ne prend vraiment toute la vigueur qu'on lui connaît qu'avec Swift et Voltaire. Aujourd'hui, elle est le condiment en quelque sorte nécessaire de notre littérature. Comparable aux fleurs biscornues et poivrées que nourrissent les serres chaudes, l'ironie, cette orchidée, ne peut éclore que dans l'humus gras des civilisations parfaites. C'est l'ornement des siècles érudits et bibliophiles. C'est le sourire des alexandrinismes. Il y a autant d'ironies que d'ironistes. Elle offre toute une palette compliquée de négations douces et de railleries atténuées, tout un jeu de « peut-être » et de « qui sait ». Elle sous-entend

un sentiment très aigu de la fuite des choses et de l'universel éparpillement. L'ironie est l'arrière-petite nièce de Protagoras et des Eléates, et la fille de ces penseurs modernes qui nous enseignèrent si savamment que la science ne sait rien. On retrouve en elle, avec un singulier relief, ce souci de ne pas être dupe qui caractérise le tour d'esprit de notre époque. Sens de la contingence, indulgentes manières de savants philosophes pour qui la vérité n'est qu'un cas particulier de l'erreur, mépris du pédantisme et de la lourdeur, tels sont les ingrédients qui entrent, à doses variables, dans la composition de l'ironie.

Ironie, au temps de Socrate, signifiait interrogation. Elle est cela encore, ou quelque chose de bien approchant: un certain ton, un certain accent mis sur les

mots et sur les choses, une moue à peine perceptible qui infléchit aristocratiquement leurs traits, et sans quoi leurs visages nous sembleraient ingrats et fades ; un éclair sous des paupières, un rayon pâle dérobé au crépuscule des certitudes ; le parfum dernier d'un paradis que l'on sait bien perdu...

Il faut distinguer l'ironie de l'humour et du comique.

L'ironie est toujours le résultat d'une conception particulière du monde. L'humour, comme le comique, procède moins d'une philosophie que d'une tournure d'esprit, apte à saisir des rapports imprévus entre les choses. L'ironie est indication, doigt levé, allusion légère. L'humour et le comique appuient avec le poing fermé. L'ironie n'est pas davantage la blague, ni l'amertume, bien qu'elle soit comprise entre elles deux comme l'éventail entre ses baguettes. Corrosive chez Swift et Voltaire, féérique chez P.-J. Toulet, chez Rémy de Gourmont mélancolique et somptueuse ainsi qu'une rose d'automne, elle est décidément assombrie dans l'œuvre de Barrès, désolée chez Laforgue, et Nietzsche la contient au titre où elle se confond avec le sarcasme, cependant que l'immortel Jarry la

rafratchissait aux sources du plus aburrissant pantagruélisme.

Chez Anatole France, l'ironie revêt tour à tour ces apparences : truculente jusqu'à toucher à la satire, dans *L'île des Pingouins*, onctueuse et légère dans les *Opinions de Jérôme Coignard*, siffante dans *Les Dieux ont soif*, comme une quatrième Erynnie ; tantôt amère et tantôt bonhomme, ici rasant la terre comme l'hirondelle des pluies, là tirelirant sa chanson allègre comme l'alouette au cœur de l'azur. Mais le caractère qu'elle conserve toujours, c'est qu'elle est teintée de pitié. « L'ironie, dit France, implique un idéal, puisqu'elle sourit de notre impuissance à l'atteindre... » Et dans son *Jardin d'Epicure*, il en donne cette définition : « L'ironie que j'invoque n'est point cruelle. Elle ne raille ni l'amour ni la beauté. Son rire calme la colère, et c'est elle qui nous enseigne à nous moquer des méchants et des sots, que nous pourrions, sans elle, avoir la faiblesse de haïr. »

Georges-Armaud MASSON

(Anatole France. Son œuvre.

Edition de la Nouvelle Revue Critique).

